

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH-
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/DS-ST

Ngày: 13/5/2021

Về việc: “Tranh chấp về hợp đồng dân sự”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu H- ơng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiệt

2. Bà Huỳnh Phương Lan

- Th[□] ký phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên - Th- ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Lâm Sễn- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai công khai vụ án thụ lý số: 81/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXX-ST, ngày 22 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1974

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: Tổ 7, ấp H, xã M, huyện C, tỉnh K.

(Tại phiên tòa, bà T có mặt, bà D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2020 của nguyên đơn Trần Thị T, bản tự khai của các đương sự, nội dung phiên hòa giải ngày 22/3/2021, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung nh- sau:

*** Bà Trần Thị T trình bày:**

Vào ngày 20/10/2019, tôi có cho bà Huỳnh Thị D mượn số tiền là 2.000.000 đồng để bà D đi tìm con; ngày 09/11/2019, bà D mượn thêm 02 chỉ vàng 24K; chiều cùng ngày, bà D mượn thêm 1.700.000 đồng và hứa 03 ngày sau sẽ trả số nợ này cho tôi; ngày 30/8/2020, bà D mượn thêm 2.000.000 đồng và nói nếu tôi không cho bà D mượn thì bà sẽ không trả cho tôi số nợ trước kia. Ngày 29/4/2020, BLĐ ấp Hòa Bình hòa giải, bà D có hứa sẽ thanh toán số nợ nêu trên cho tôi vào ngày 15/05/2020 và có ký “Tờ cam kết” đề ngày 29/4/2002 (đúng ra là ngày 29/4/2020).

Tôi yêu cầu bà Huỳnh Thị D phải trả cho tôi 02 chỉ vàng 24K và số tiền 5.700.000 đồng, trả 01 lần trong thời gian 01 tháng, không yêu cầu tính lãi.

* Bà Huỳnh Thị D trình bày:

Tôi thừa nhận tôi có vay nợ bà Trần Thị T, có ký "Tờ cam kết" trả nợ như bà T đã trình bày. Tôi vay tiền, vàng của bà T để cho người ta vay lại.

Tôi xin được trả cho bà Trần Thị T 02 chỉ vàng 24K và số tiền 5.700.000 đồng vào tháng 6/2021 âm lịch.

* Tại phiên tòa, bà Trần Thị T vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu nêu trên và yêu cầu bà Huỳnh Thị D phải thanh toán nợ cho bà T 01 lần.

* **□ kiến của Kiểm sát viên tham** gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th- ký phiên tòa và của ng- ời tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr- ớc thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đ- ọc kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, **ý kiến của Kiểm sát viên**, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Do phát sinh tranh chấp trong việc thanh toán tiền vay, tiền mượn nên bà Trần Thị T khởi kiện bà Huỳnh Thị D tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành vào ngày 02/11/2020; bà Huỳnh Thị D có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú tại ấp H, xã M, huyện C, tỉnh K. Đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo các quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 **và Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015**.

Về việc vắng mặt bà Huỳnh Thị D **tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang** đã tổng đạt Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-DS, ngày 22/4/2021 cho bà Huỳnh Thị D theo quy định của pháp luật, bà Huỳnh Thị D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 22/4/2021 (BL 38), đ- ọc sự thống nhất của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa **và** bà Trần Thị T, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Huỳnh Thị D theo quy định tại **khoản 1 Điều 227** của Bộ luật Tố tụng dân sự năm **2015**.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T:

Tại phiên tòa, bà Trần Thị T vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày nêu trên và yêu cầu bà Huỳnh Thị D phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Thị T 02 chỉ vàng 24K (tương đương với số tiền 10.000.000 đồng) và số tiền 5.700.000 đồng, tổng cộng là 15.700.000đ (Mười lăm triệu bảy trăm ngàn đồng), trả 01 lần trong thời gian 01 tháng, không yêu cầu tính lãi.

Xét rằng:

Tại buổi hòa giải ngày 29/4/2020 tại trụ sở ấp Hòa Bình, “Tờ cam kết” đề ngày 29/4/2002 (đúng ra là ngày 29/4/2020), biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 16/3/2021, phiên hòa giải ngày 22/3/2021 (Các bút lục 23, 24, 33, 36, 37), bà Huỳnh Thị D tự nguyện thừa nhận là bà D có vay nợ bà Trần Thị T, có ký “Tờ cam kết” như bà T đã trình bày, bà D vay tiền, vàng của bà T để cho người ta vay lại và bà D xin được trả cho bà Trần Thị T 02 chỉ vàng 24K và số tiền 5.700.000 đồng vào tháng 6 năm 2021 âm lịch.

Do đó, Tòa án có đủ căn cứ để buộc bà Huỳnh Thị D phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Thị T 02 chỉ vàng 24K (tương đương với số tiền 10.000.000 đồng) và số tiền 5.700.000 đồng, tổng cộng là 15.700.000đ (Mười lăm triệu bảy trăm ngàn đồng).

Việc bà Huỳnh Thị D thanh toán số tiền nêu trên cho bà Trần Thị T như thế nào thì thuộc thẩm quyền của cơ quan Thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không hoàn trả hoặc hoàn trả không đủ số tiền nêu trên cho người được thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị T.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b Tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Tòa án buộc bà Huỳnh Thị D phải có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 15.700.000 đồng x 5% = 785.000đ (Bảy trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

Bà Trần Thị T được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà Trần Thị T đã nộp là 400.000đ (Bốn trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006746, ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, **khoản 1 Điều 227**, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các **Điều 463, 466, 468 của** Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b Tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

1- Buộc bà Huỳnh Thị D phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Thị T 02 chỉ vàng 24K (tương đương với số tiền 10.000.000 đồng) và số tiền 5.700.000 đồng, tổng cộng là 15.700.000đ (Mười lăm triệu bảy trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không hoàn trả hoặc hoàn trả không đủ số tiền nêu trên cho người được thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2- Về án phí:

Buộc bà Huỳnh Thị D phải có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 785.000đ (Bảy trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

Bà Trần Thị T được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà Trần Thị T đã nộp là 400.000đ (Bốn trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006746, ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Tr- ờng hợp bản án đ- ọc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3- Về quyền kháng cáo: Các đ- ơng sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/5/2021), đ- ơng sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận đ- ọc Bản án hoặc đ- ọc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS h Châu Thành, KG (khi án có hpl);
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu H- ơng